



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSĐP (không kể thu chuyển giao giữa các cấp NS địa phương)	81.981.026	43.595.791	53,18	
1	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	42.124.000	24.564.843	58,32	100,32
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	35.560.764	15.971.082	44,91	115,35
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
4	Thu kết dư năm trước				
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		1.767.976		127,46
6	Thu viện trợ		319		6,31
7	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.026.611	1.228.612	30,51	37,43
8	Thu bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương đưa vào cân đối chi thường xuyên	269.651			
10	Các khoản huy động, đóng góp		62.959		
B	TỔNG CHI NSĐP (không kể GTGC, chi chuyển giao giữa các cấp NS địa phương)	86.865.626	28.083.688	32,33	132,67
I	Chi cân đối NSĐP	82.839.015	27.300.880	32,96	132,72
1	Chi đầu tư phát triển	36.165.171	12.657.810	35,00	173,81
2	Chi thường xuyên	36.500.000	14.577.873	39,94	110,51
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.343.846	65.197	4,85	67,19
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11.400			
5	Dự phòng ngân sách	2.500.000			
6	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	6.318.598			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP	4.026.611	782.808	19,44	131,19
C	BỘI CHI NSĐP/ BỘI THU NSĐP				
D	CHI TRẢ NỢ GÓC	908.508	111.675	12,29	

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	CÙNG KỶ	DỰ TOÁN NĂM 2018	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B		1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	169.875.229	376.780.000	183.465.250	48,69	108,00
I	Thu nội địa	108.714.223	256.210.000	121.438.748	47,40	111,70
1	Thu từ khu vực DNNN	10.411.904	26.000.000	11.618.049	44,68	111,58
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	28.349.882	75.110.000	29.304.695	39,02	103,37
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	24.423.560	64.000.000	31.109.547	48,61	127,38
4	Thuế thu nhập cá nhân	15.481.833	36.000.000	19.140.267	53,17	123,63
5	Thuế bảo vệ môi trường	3.611.487	8.850.000	3.803.911	42,98	105,33
6	Lệ phí trước bạ	3.137.447	7.450.000	3.072.732	41,24	97,94
7	Các loại phí, lệ phí	1.909.730	4.400.000	2.119.928	48,18	111,01
8	Các khoản thu về nhà, đất	12.853.824	20.300.000	13.456.910	66,29	104,69
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	167				0,00
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	55.252	200.000	129.520	64,76	234,42
-	Thu tiền sử dụng đất	9.999.056	14.500.000	10.811.802	74,56	108,13
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.681.644	5.500.000	2.313.487	42,06	86,27
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	117.705	100.000	202.101	202,10	171,70
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	4.641.460	7.000.000	1.922.112	27,46	41,41
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.471.972	3.000.000	1.778.775	59,29	120,84
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác và thu khác	2.421.124	4.100.000	4.111.822	100,29	169,83
II	Thu từ dầu thô	8.619.365	12.570.000	11.943.543	95,02	138,57
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	52.541.641	108.000.000	50.020.000	46,31	95,20
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	33.676.358	69.800.000	36.257.989	51,95	107,67
2	Thuế XNK, thuế TTĐB, thuế BVMT hàng hóa nhập khẩu	18.787.578	38.200.000	13.616.201	35,64	72,47
3	Thu khác	77.705		145.811		187,65
IV	Thu viện trợ					
V	Các khoản huy động, đóng góp			62.959		
B	THU NSĐP (không kể thu chuyển giao giữa các cấp NS địa phương)	43.007.460	81.981.026	43.595.791	53,18	101,37
1	Thu NSĐP theo phân cấp:	38.333.220	77.684.764	40.535.925	52,18	105,75
-	Từ các khoản thu phân chia	13.845.732	42.124.000	15.971.082	37,91	115,35
-	Các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	24.487.488	35.560.764	24.564.843	69,08	100,32
2	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	1.387.056		1.767.976		127,46
3	Thu viện trợ	5.054		319		6,31
4	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.282.130	4.026.611	1.228.612	30,51	37,43
5	Thu bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương đưa vào cân đối chi thường xuyên		269.651			
6	Các khoản huy động, đóng góp			62.959		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSĐP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS)	86.865.626	28.083.688	32,33	132,67
A	CHI CÁN ĐỐI NSĐP	82.839.015	27.300.880	32,96	132,72
I	Chi đầu tư phát triển	36.165.171	12.657.810	35,00	173,81
1	Chi đầu tư cho các dự án		12.551.804		175,64
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		0		
3	Chi đầu tư phát triển khác		106.006		78,00
III	Chi thường xuyên	36.500.000	14.577.873	39,94	110,51
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	11.264.071	4.332.875	38,47	107,69
2	Chi khoa học và công nghệ	730.249	460.000	62,99	118,57
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.175.724	582.668	26,78	86,28
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	463.295	200.000	43,17	101,82
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	64.069	26.507	41,37	118,81
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	405.884	190.000	46,81	135,72
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	3.654.662	1.300.000	35,57	116,16
8	Chi sự nghiệp kinh tế	6.278.450	1.894.119	30,17	98,29
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	6.362.352	2.575.504	40,48	110,36
10	Chi bảo đảm xã hội	2.805.885	1.900.000	67,71	134,10
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.343.846	65.197	4,85	67,19
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11.400		0,00	
V	Dự phòng ngân sách	2.500.000		0,00	
VI	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	6.318.598			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP	4.026.611	782.808	19,44	131,19
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	0	0		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	3.707.023	759.230	20,48	131,91
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	319.588	23.578	7,38	111,50



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO THUYẾT MINH TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2465/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách địa phương năm 2018;

Ủy ban nhân dân thành phố công khai số liệu và báo cáo thuyết minh tình hình ước thực hiện thu – chi ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2018 trên địa bàn như sau:

1. Kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Trong Quý II năm 2018, Thành phố tiếp tục triển khai hiệu quả các giải pháp, chính sách của Trung ương, Chương trình nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của kinh tế Thành phố; tạo đà thực hiện tốt các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011-2020); dưới sự chỉ đạo kịp thời của Thành Ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, các sở, ban ngành cùng phối hợp với cơ quan thu (Thuế, Hải quan) thực hiện công tác quản lý thuế nhằm đảm bảo thu đúng đủ, kịp thời, tránh tình trạng nợ đọng thuế góp phần phân đấu hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN năm 2018.

Căn cứ kết quả đánh giá thu quý I năm 2018, dự kiến tình hình phát triển kinh tế - xã hội, biến động giá cả thị trường trong quý II năm 2018, kết quả thu 5 tháng đầu năm 2018; ước thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố trong 6 tháng đầu năm 2018 như sau:

1.1. Tổng thu NSNN ước thực hiện là 183.465 tỷ đồng, đạt 48,69% dự toán (376.780 tỷ đồng) và **tăng 8,00%** so cùng kỳ (169.875 tỷ đồng). Trong đó:

- **Thu nội địa:** ước thực hiện **121.439 tỷ đồng, đạt 47,40%** dự toán (256.210 tỷ đồng) và **tăng 11,70%** so cùng kỳ (108.714 tỷ đồng).

- **Thu từ dầu thô:** ước thực hiện **11.944 tỷ đồng, đạt 95,02%** dự toán, **tăng 38,57%** so cùng kỳ (8.619 tỷ đồng).